

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41758/CT-TTHT
V/v Chính sách thuế GTGT

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Tài nguyên và môi trường Việt Nam
(Địa chỉ: 108 chùa Láng, Phường Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP Hà Nội - MST: 0104394831)

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 33/CTTNMT-TCKT đề ngày 26/02/2020 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và môi trường Việt Nam (gọi tắt là Công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 11 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam, quy định về đối tượng và điều kiện áp dụng:

“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II.”

- Căn cứ Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế:

+ Tại Điều 2 quy định về đối tượng áp dụng:

“đ) Tổ chức, cá nhân không phát sinh nghĩa vụ thuế nhưng được hoàn thuế, gồm: Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hóa, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; ...; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA (sau đây gọi là Tổ chức khác).

...

g) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức có hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh với cá nhân nộp thay cho cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay).”

+ Tại Điều 5 quy định cấp và sử dụng mã số thuế:

“2. Sử dụng mã số thuế

Người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế được cấp theo quy định tại Điều 28 Luật quản lý thuế. Cụ thể:

a) Người nộp thuế sử dụng mã số thuế để thực hiện khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế và thực hiện các thủ tục về thuế khác đối với tất cả các nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước, kể cả trường hợp người nộp thuế hoạt động sản xuất kinh doanh tại nhiều địa bàn khác nhau.

...

3. Cấp mã số thuế trong một số trường hợp cụ thể

c) Cấp mã số thuế cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu; tổ chức nộp thay cho cá nhân hợp đồng, hợp tác kinh doanh (sau đây gọi tắt là mã số thuế nộp thay) như sau:

...

c4) Mã số thuế nộp thay được sử dụng để nộp thay các khoản thuế theo quy định của pháp luật về thuế trong quá trình hoạt động của người nộp thuế. Khi người nộp thuế thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định thì thông tin tương ứng của mã số thuế nộp thay sẽ được cơ quan thuế cập nhật. Khi người nộp thuế chấm dứt hiệu lực của mã số thuế thì đồng thời mã số thuế nộp thay cũng bị chấm dứt hiệu lực.”

+ Tại Điều 7 quy định về hồ sơ đăng ký thuế.

“3. Đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 2 Thông tư này, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04-ĐK-TCT và các bảng kê (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy phép thầu; hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy xác nhận đăng ký văn phòng điều hành; hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).”

- Căn cứ Thông tư 181/2013/TT-BTC ngày 03/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

+ Tại khoản 2 Điều 6 quy định về chính sách thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án:

“2. Thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác đối với cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

a) Nhà thầu chính cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT (nếu hợp đồng ký bao gồm thuế GTGT), thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

b) Nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho nhà thầu chính của dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

c) Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu nếu nhận thanh toán trực tiếp từ Nhà tài trợ thì nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có trách nhiệm chuyển tiền thuế phải nộp cho Chủ dự án ODA hoặc nhà thầu chính nước ngoài để nộp thuế thay cho nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

d) Trường hợp nhà thầu chính (không phân biệt nhà thầu chính là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp) ký hợp đồng với Chủ dự án ODA hoặc Nhà tài trợ để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại với giá không bao gồm thuế GTGT và dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án, Nhà tài trợ. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký giữa chủ dự án và nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT. Nhà thầu chính phải khai, nộp thuế GTGT theo quy định của Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành.”

+ Tại Điều 8 quy định về thủ tục, hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại, đại diện nhà tài trợ và nhà thầu chính thuộc diện được hoàn thuế.

- Căn cứ Điểm 6 Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về Thuế, hướng dẫn về hoàn thuế GTGT:

“6. Hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo.

a) Đối với dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại: chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án được hoàn lại số thuế GTGT đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua ở Việt Nam để sử dụng cho chương trình, dự án.

... Việc hoàn thuế GTGT đã trả đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

- Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định:

+ Tại Khoản 11 Điều 11 quy định về khai thuế GTGT đối với dự án ODA, viện trợ nhân đạo, miễn trừ ngoại giao:

“11. Khai thuế GTGT đối với dự án ODA, viện trợ nhân đạo, miễn trừ ngoại giao

a) Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại, Văn phòng đại diện nhà tài trợ Dự án ODA; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo thuộc diện được hoàn thuế GTGT; đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao không phải khai thuế GTGT hàng tháng.

b) Chủ dự án ODA thuộc diện không được hoàn thuế GTGT thực hiện khai thuế GTGT hàng tháng theo mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư này và gửi Cục thuế quản lý trực tiếp địa bàn nơi thực hiện dự án.

c) Nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT, thực hiện khai thuế GTGT hàng tháng theo mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư này và gửi Cục thuế quản lý trực tiếp địa bàn nơi thực hiện dự án.

Trường hợp chủ dự án ODA và nhà thầu nước ngoài theo hướng dẫn tại điểm b và c nêu trên thực hiện dự án ODA có liên quan đến nhiều tỉnh thì hồ sơ khai thuế gửi Cục thuế quản lý trực tiếp nơi chủ dự án, nhà thầu nước ngoài đóng trụ sở chính.”

+ Tại Điều 50 Chương II quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA:

“1. Đối với Chủ dự án và Nhà thầu chính

a) Nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT

Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi Cục Thuế quản lý trực tiếp địa bàn nơi thực hiện dự án vào bất kỳ thời điểm nào khi phát sinh số thuế GTGT đầu vào được hoàn trong thời gian thực hiện dự án; trường hợp dự án ODA có liên quan đến nhiều tỉnh thì hồ sơ hoàn thuế GTGT gửi Cục Thuế quản lý trực tiếp nơi chủ dự án đóng trụ sở chính.

Nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi cơ quan thuế nơi nộp hồ sơ khai thuế.”

- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ, quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ:

+ Tại Khoản 2 Điều 16 quy định về lập hóa đơn:

“2. Cách lập một số tiêu thức cụ thể trên hóa đơn

a) Tiêu thức “Ngày tháng năm” lập hóa đơn

...

Ngày lập hóa đơn đối với cung ứng dịch vụ là ngày hoàn thành việc cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ thực hiện thu tiền trước hoặc trong khi cung ứng dịch vụ thì ngày lập hóa đơn là ngày thu tiền.”

- Căn cứ Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC) như sau:

“a) Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 16 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC) như sau:

“b) Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, ...”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 16 như sau:

“b) Tiêu thức “Tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán”, “tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua”

Người bán phải ghi đúng tiêu thức “mã số thuế” của người mua và người bán.

Tiêu thức “tên, địa chỉ” của người bán, người mua phải viết đầy đủ, trường hợp viết tắt thì phải đảm bảo xác định đúng người mua, người bán.

Trường hợp khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 200.000 đồng trở lên mỗi lần, người mua không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế (nếu có) thì vẫn phải lập hóa đơn và ghi rõ “người mua không lấy hóa đơn hoặc “người mua không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế.”

- Căn cứ cơ sở dữ liệu quản lý thông tin về người nộp thuế: Mã số thuế 0108521417 là mã số thuế nộp thay cho nhà thầu nước ngoài của Ban quản lý dự án vận hành hồ chứa trong tình huống khẩn cấp và quản lý lũ bằng hệ thống quản lý thông tin toàn diện.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty TNHH MTV Tài nguyên và môi trường (trước đây là Tổng công ty tài nguyên và môi trường Việt Nam) là nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho nhà thầu chính của dự án “Quản lý hiệu quả hoạt động hồ chứa và kiểm soát lũ lụt trong trường hợp khẩn cấp bằng cách sử dụng hệ thống thông tin quản lý thủy văn” - dự án ODA không hoàn lại của Chính phủ Nhật Bản cho Việt Nam đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (dự án thực hiện tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Thừa Thiên Huế), thì:

- Trường hợp Công ty TNHH MTV Tài nguyên và môi trường ký hợp đồng với nhà thầu chính (KKC) để thực hiện phần công việc khảo sát Lidar thuộc dự án nêu trên thì khi hoàn thành việc cung ứng dịch vụ Công ty phải lập hóa đơn giao cho nhà thầu chính và kê khai, nộp thuế theo quy định.

- Nếu nhà thầu chính nước ngoài thực hiện dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 181/2013/TT-BTC thì nhà thầu chính nước ngoài thực hiện nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi cơ quan thuế nơi nộp hồ sơ khai thuế theo hướng dẫn tại Tiết a Khoản 1 Điều 50 và Tiết c Khoản 11 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Việc đăng ký mã số thuế của nhà thầu nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 95/2016/TT-BTC nêu trên.

Trong quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với Phòng Thanh tra - Kiểm tra thuế số 6 và Phòng Thanh tra kiểm tra thuế số 7 để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH MTV Tài nguyên và môi trường Việt Nam được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TKT6, TKT7;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, THT(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Tiến Trường